

**BỘ LAO ĐỘNG -
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2010/TT-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2010

THÔNG TƯ

Quy định Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho một số nghề thuộc nhóm nghề Nghệ thuật

Căn cứ Luật Dạy nghề ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 186/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 58/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 06 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định và đề nghị của Tổng cục Dạy nghề về việc ban hành chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho các nghề: Đúc, dát đồng mỹ nghệ; Đồ gốm mỹ thuật; Chạm khắc đá;

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chương trình khung trình độ trung cấp nghề và trình độ cao đẳng nghề đối với các nghề trên như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và Đối tượng áp dụng

Thông tư này quy định chương trình khung trình độ trung cấp nghề và chương trình khung trình độ cao đẳng nghề để áp dụng đối với các trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trường đại học, trường cao đẳng và trường trung cấp chuyên nghiệp (sau đây gọi chung là Cơ sở dạy nghề) công lập và tư thực có đăng ký hoạt động dạy nghề các nghề được quy định tại Thông tư này;

Chương trình khung trình độ trung cấp nghề và trình độ cao đẳng nghề quy định tại Thông tư này không bắt buộc áp dụng đối với các cơ sở dạy nghề có vốn đầu tư nước ngoài.

Điều 2. Chương trình khung quy định tại Thông tư này bao gồm

1. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề “Đúc, dát đồng mỹ nghệ” (Phụ lục 1);

2. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề “Đồ gốm mỹ thuật” (Phụ lục 2);

3. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề “Chạm khắc đá” (Phụ lục 3).

Điều 3. Trách nhiệm xây dựng chương trình dạy nghề

Căn cứ quy định tại Thông tư này, Hiệu trưởng các trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trường đại học, trường cao đẳng và trường trung cấp chuyên nghiệp có đăng ký hoạt động dạy nghề cho các nghề được quy định tại Thông tư này tổ chức xây dựng, thẩm định, duyệt chương trình dạy nghề của trường.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký;

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tổ chức Chính trị - Xã hội và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng cục Dạy nghề, các trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trường đại học, trường cao đẳng và trường trung cấp chuyên nghiệp có đăng ký hoạt động dạy nghề trình độ trung cấp nghề và trình độ cao đẳng nghề cho các nghề được quy định tại Thông tư này và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Đàm Hữu Đắc

Phụ lục 1**CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ, CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ CHO NGHỀ “ĐÚC, DÁT ĐỒNG MỸ NGHỆ”**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2010/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Phụ lục 1A**CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ**

Tên nghề: Đúc, dát đồng mỹ nghệ

Mã nghề: 40210102

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học thêm phần văn hóa phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo);

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 24

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp trung cấp nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:

- Kiến thức:

+ Trình bày được phương pháp chuẩn bị nguyên liệu đúc đồng, công dụng, cấu tạo, cách sử dụng dụng cụ, thiết bị máy móc dùng trong nghề đúc, dát đồng mỹ nghệ;

+ Trình bày được phương pháp làm lò nấu đồng;

+ Mô tả được quy trình kỹ thuật đúc phôi liệu dát đồng;

+ Mô tả được quy trình kỹ thuật đúc nồi đồng;

+ Mô tả được quy trình kỹ thuật đúc bình hoa đồng;

+ Mô tả được quy trình kỹ thuật đúc đỉnh đồng;

+ Trình bày được quy trình kỹ thuật đúc các sản phẩm đồng mỹ nghệ thông thường;

+ Trình bày được phương pháp hoàn thiện sản phẩm đúc đồng;

+ Trình bày được quy trình kỹ thuật dát mâm đồng;

+ Trình bày được quy trình kỹ thuật dát chậu đồng;

+ Trình bày được quy trình kỹ thuật dát các sản phẩm dát đồng đơn giản.

- Kỹ năng:

+ Sử dụng được các dụng cụ, thiết bị, máy móc dùng trong nghề đúc, dát đồng mỹ nghệ;

+ Đáp được các lò nấu đồng đảm bảo yêu cầu kỹ thuật;

+ Đúc và hoàn thiện được các sản phẩm đồng mỹ nghệ thông thường khác như bát hương, chậu đồng, chậu cảnh, nghệ đồng, hạc đồng theo mẫu đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và mỹ thuật;

+ Dát được mâm đồng, chậu đồng theo mẫu đảm bảo kỹ thuật và mỹ thuật;

+ Quản lý được tổ sản xuất, ca sản xuất;

+ Tính toán được giá thành sản phẩm đúc đồng.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:

+ Nắm được kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng cộng sản Việt Nam và Hiến pháp, Pháp luật của Nhà nước;

+ Hiểu biết cơ bản về truyền thống quý báu của dân tộc, của giai cấp công nhân và Công đoàn Việt Nam;

+ Rèn luyện trở thành người lao động mới có phẩm chất chính trị, có đạo đức tốt và năng lực hoàn thành nhiệm vụ; có ý thức trách nhiệm.

- Thể chất và quốc phòng:

+ Thực hành được những kỹ thuật cơ bản của một số môn thể dục thể thao quy định trong chương trình; tập luyện thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe thường xuyên;

+ Thực hiện được các kỹ năng quân sự cần thiết, biết vận dụng vào phòng vệ cá nhân và tham gia bảo vệ an toàn đơn vị, cơ sở. Có tinh thần sẵn sàng tham gia các lực lượng vũ trang bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm:

Sau khi tốt nghiệp học sinh làm việc ở các cơ sở sau đây:

- Làm việc trong các doanh nghiệp đúc, dát đồng mỹ nghệ: kỹ thuật viên, tổ trưởng, tổ phó, trưởng ca, phó ca sản xuất;
- Làm việc trong các cơ sở sản xuất đúc, dát đồng mỹ nghệ tại các làng nghề: kỹ thuật viên, tổ trưởng, tổ phó;
- Tự tổ chức sản xuất tại gia đình: trực tiếp làm kỹ thuật viên, điều hành sản xuất và tiếp thị các sản phẩm đúc, dát đồng mỹ nghệ.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian đào tạo: 02 năm
- Thời gian học tập: 90 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 2857 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn và thi tốt nghiệp: 280 giờ; (Trong đó thi tốt nghiệp: 60 giờ).

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2647 giờ
- + Thời gian học bắt buộc: 1875 giờ; Thời gian học tự chọn: 772 giờ
- + Thời gian học lý thuyết: 728 giờ; Thời gian học thực hành: 1919 giờ.

3. Thời gian học văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở: 1200 giờ

(Danh mục các môn học văn hóa Trung học phổ thông và phân bổ thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong Chương trình khung giáo dục trung cấp chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự học tập các môn học phải theo logic sư phạm, đảm bảo học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả).

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Các môn học chung	210	106	87	17
MH 01	Chính trị	30	22	06	02
MH 02	Pháp luật	15	10	04	01
MH 03	Giáo dục thể chất	30	03	24	03
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	45	28	13	04
MH 05	Tin học	30	13	15	02
MH 06	Ngoại ngữ	60	30	25	05
II	Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc	1875	528	1216	131
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	130	90	29	11
MH 07	Kỹ thuật nhiệt	40	31	06	03
MH 08	Điện kỹ thuật	30	16	11	03
MĐ 09	An toàn lao động	30	21	06	03
MĐ 10	Quản lý sản xuất	30	22	06	02
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	1745	438	1185	120
MĐ 11	Vẽ mỹ thuật	120	21	91	08
MĐ 12	Chuẩn bị nguyên liệu, thiết bị, dụng cụ	158	41	111	06
MĐ 13	Làm lò đúc đồng	110	28	78	04
MĐ 14	Đúc phôi liệu dát đồng	143	36	93	14
MĐ 15	Đúc nôi đồng	175	45	116	14
MĐ 16	Đúc bình hoa	203	56	133	14
MĐ 17	Đúc đỉnh đồng	237	65	156	16
MĐ 18	Hoàn thiện sản phẩm đúc đồng	217	49	158	10
MĐ 19	Dát mâm đồng	171	42	113	16
MĐ 20	Dát chậu đồng	211	55	138	18
Tổng cộng		2085	634	1303	148

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Trong chương trình khung trình độ trung cấp nghề Đức, dất đồng mỹ nghệ đã thiết kế tổng số giờ học tối thiểu là: 2857 giờ; Trong đó: 1875 giờ dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc và 772 giờ (Lý thuyết: 200 giờ; Thực hành: 572 giờ) của các mô đun đào tạo nghề tự chọn;

- Các Cơ sở dạy nghề cần căn cứ vào điều kiện thực tế đào tạo của cơ sở mình và nhu cầu thực tiễn tại địa phương các vùng phụ cận để lựa chọn các mô đun tự chọn cho phù hợp với chương trình đào tạo nghề.

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 21	Đúc bát hương đồng	178	45	119	14
MĐ 22	Đúc chậu đồng	172	43	115	14
MĐ 23	Đúc chậu cảnh	180	45	121	14
MĐ 24	Đúc nghề đồng	181	47	120	14
MĐ 25	Đúc hạc đồng	233	63	154	16
MĐ 26	Dát khay đồng	167	38	113	16

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

- Ví dụ: Có thể chọn những mô đun tự chọn sau đây:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 21	Đúc bát hương đồng	178	45	119	14
MĐ 23	Đúc chậu cảnh đồng	180	45	121	14

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 24	Đúc nghề đồng	181	47	120	14
MĐ 25	Đúc hạc đồng	233	63	154	16
Tổng cộng		772	200	514	58

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Các mô đun đã được xây dựng đến tên bài, nội dung chính của từng bài, từ đó các trường tự xây dựng chương trình chi tiết nội dung của các bài học để thuận lợi cho giáo viên khi lên lớp.

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quyết định số 14/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Thi môn chính trị: Được tổ chức theo hình thức thi viết với thời gian không quá 120 phút hoặc thi trắc nghiệm với thời gian không quá 60 phút;

- Thi kiến thức, kỹ năng nghề: gồm thi lý thuyết nghề và thi thực hành nghề:

+ Thi lý thuyết nghề được tổ chức theo hình thức thi viết, trắc nghiệm với thời gian thi không quá 180 phút hoặc thi vấn đáp với thời gian cho 1 học sinh là 40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời;

+ Thi thực hành nghề được tổ chức theo hình thức thực hành bài tập kỹ năng tổng hợp để hoàn thiện một sản phẩm. Thời gian thi thực hành cho một học sinh không quá 24 giờ.

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (Chuẩn bị 40 phút, vấn đáp không quá 20 phút)

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
2	Văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề - Thực hành nghề; - Mô đun tốt nghiệp (<i>tích hợp lý thuyết với thực hành</i>)	Viết, trắc nghiệm Vấn đáp Bài thi thực hành kỹ năng tổng hợp Bài thi lý thuyết và thực hành	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (Chuẩn bị 40 phút, vấn đáp không quá 20 phút cho 1 thí sinh) Không quá 24 giờ/học sinh Không quá 24 giờ/học sinh

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoài khóa (Được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Hoạt động ngoài khóa phục vụ chuyên môn nghề:

+ Để học sinh có điều kiện tìm hiểu thực tế sản xuất, trường có thể bố trí cho học sinh tham quan các làng nghề đúc đồng, các cơ sở đúc, dát đồng ở Đại Bái (Bắc Ninh), Vạn Điểm (Ý Yên - Nam Định), Thiệu Yên (Thanh Hóa), các cơ sở đúc đồng tại Huế, Đồng Nai, Bình Dương;

+ Sử dụng từ 7 đến 10 ngày cho học sinh đi tham quan học tập tại các làng nghề Đúc, dát đồng mỹ nghệ. Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa.

+ Mời một số nghệ nhân đúc đồng về thỉnh giảng tại trường;

+ Tổ chức các buổi nói chuyện về chuyên môn nghề Đúc, dát đồng mỹ nghệ do các nghệ nhân Đúc, dát đồng mỹ nghệ là diễn giả để củng cố chuyên môn, tăng thêm hiểu biết và lòng yêu nghề cho học sinh.

- Hoạt động thể dục thể thao:

+ Duy trì nề nếp tập thể dục buổi sáng cho học sinh toàn trường;

+ Tổ chức cho học sinh tham gia các phong trào thể dục thể thao: bóng chuyền, bóng đá, cầu lông, bóng bàn, bơi lội ngoài giờ học và trong các kỳ nghỉ;

+ Nhà trường tổ chức các hội thao hàng năm, tổ chức cho học sinh của trường tham gia thi đấu thể thao trong các hội thao của địa phương hoặc của các trường trong và ngoài ngành.

- Hoạt động văn hóa, văn nghệ:

+ Duy trì phong trào hát múa tập thể thường xuyên trong học sinh;

+ Hàng năm tổ chức hội diễn văn nghệ trong nhà trường;

+ Tổ chức cho học sinh của trường tham gia giao lưu trong các hội diễn văn nghệ của địa phương và các trường trong ngoài ngành;

+ Tổ chức các buổi nói chuyện ngoại khóa, mời các nhà văn, nhà thơ, các diễn giả về trường giao lưu với học sinh.

- Hoạt động thư viện:

+ Đầu tư kinh phí mua sách báo chuyên môn, văn hóa, chính trị, xây dựng thư viện có đầy đủ cơ sở vật chất để phục vụ việc học tập, nghiên cứu của học sinh;

+ Thư viện nhà trường thường xuyên mở cửa vào tất cả các ngày làm việc trong tuần.

- Hoạt động thanh niên:

Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tổ chức sinh hoạt chính trị, vui chơi, giải trí thường xuyên cho học sinh trong trường, xây dựng nề nếp học tập, làm việc, vui chơi, bổ ích, lành mạnh.

- Nội dung và thời gian tổ chức các hoạt động ngoại khóa có thể tham khảo bảng sau:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần

Số TT	Nội dung	Thời gian
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần
6	Tổ chức hội thi các sản phẩm nghề Đức, hát đồng mỹ nghệ	Mỗi học kỳ tổ chức 1 lần

4. Các chú ý khác:

Khi các trường lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn có thể sắp xếp lại mã môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của trường mình để dễ theo dõi, quản lý./.

Phụ lục 1B
CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ

Tên nghề: Đúc, dát đồng mỹ nghệ

Mã nghề: 50210102

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 27

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

+ Phân tích được phương pháp chuẩn bị nguyên liệu đúc đồng, công dụng, cấu tạo, cách sử dụng dụng cụ, thiết bị máy móc dùng trong nghề Đúc, dát đồng mỹ nghệ;

+ Phân tích được phương pháp thiết kế, gia công lò nấu đồng;

+ Phân tích được quy trình kỹ thuật đúc các sản phẩm đồng mỹ nghệ thông thường như: Phân tích được quy trình kỹ thuật đúc phôi liệu dát đồng; phân tích được quy trình kỹ thuật đúc nội đồng; phân tích được quy trình kỹ thuật đúc bình hoa đồng; phân tích được quy trình kỹ thuật đúc đỉnh đồng;

+ Phân tích được quy trình kỹ thuật đúc các sản phẩm đồng mỹ nghệ kỹ thuật cao như: Phân tích được quy trình kỹ thuật đúc phù điêu đồng; phân tích được quy trình kỹ thuật đúc tượng đồng; phân tích được quy trình kỹ thuật đúc chuông đồng;

+ Mô tả được phương pháp hoàn thiện sản phẩm đúc đồng;

+ Phân tích được quy trình kỹ thuật dát mâm đồng;

+ Phân tích được quy trình kỹ thuật dát chậu đồng.

- Kỹ năng:

+ Sử dụng thành thạo các dụng cụ, thiết bị máy móc dùng trong nghề Đúc, dát đồng mỹ nghệ;

+ Thiết kế, gia công được các lò nấu đồng dùng bể, lò gió đảm bảo yêu cầu kỹ thuật;

+ Làm được các khuôn thao thông thường như: khuôn đúc phôi liệu dát đồng, khuôn đúc nổi đồng, khuôn đúc bình hoa đồng, khuôn đúc đỉnh đồng;

+ Làm được các khuôn thao kỹ thuật cao như: khuôn đúc phù điêu đồng, khuôn đúc tượng đồng, khuôn đúc chuông đồng theo mẫu đảm bảo kỹ thuật cao;

+ Đúc và hoàn thiện được các sản phẩm đồng mỹ nghệ theo mẫu thông thường: phôi liệu dát đồng, nổi đồng, bình hoa, đỉnh đồng với chất lượng cao về kỹ thuật và mỹ thuật;

+ Đúc và hoàn thiện được các sản phẩm đồng mỹ nghệ kỹ thuật cao như: phù điêu đồng, tượng đồng, chuông đồng với chất lượng cao;

+ Dát được mâm đồng, chậu đồng theo mẫu, đảm bảo kỹ thuật và mỹ thuật cao;

+ Tổ chức, quản lý được tổ sản xuất, ca sản xuất, phân xưởng sản xuất;

+ Tự tổ chức được doanh nghiệp sản xuất sản phẩm Đúc, dát đồng mỹ nghệ; tiếp thị và tính toán được giá thành sản phẩm đúc đồng.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:

+ Nắm được kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng cộng sản Việt Nam và Hiến pháp, Pháp luật của Nhà nước;

+ Hiểu biết cơ bản về truyền thống quý báu của dân tộc, của giai cấp công nhân và Công đoàn Việt Nam;

+ Rèn luyện trở thành người lao động mới có phẩm chất chính trị, có đạo đức tốt và năng lực hoàn thành nhiệm vụ; có ý thức trách nhiệm thực hiện đường lối của Đảng, Pháp luật của Nhà nước;

- Thể chất và quốc phòng:

+ Thực hành được những kỹ thuật cơ bản của một số môn thể dục thể thao quy định trong chương trình;

+ Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để tự tập luyện nhằm tăng cường bảo vệ sức khỏe, phát triển tố chất thể lực chung và thể lực chuyên môn nghề nghiệp; tập luyện thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe thường xuyên;

+ Hiểu rõ truyền thống đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc, lịch sử truyền thống vẻ vang của các lực lượng vũ trang, làm tốt công tác quốc phòng, an ninh ở cơ sở và sẵn sàng tham gia lực lượng vũ trang;

+ Thành thạo các kỹ năng quân sự cần thiết, biết vận dụng vào phòng vệ cá nhân và tham gia bảo vệ an toàn đơn vị, cơ sở.

3. Cơ hội việc làm:

Sau khi tốt nghiệp sinh viên làm việc ở các cơ sở sau đây:

- Làm việc trong các doanh nghiệp đúc, dát đồng mỹ nghệ: kỹ thuật viên, tổ trưởng, tổ phó, trưởng ca, phó ca sản xuất, cán bộ kỹ thuật, đốc công, quản đốc, phó quản đốc xưởng sản xuất;

- Làm việc tại các làng nghề đúc, dát đồng mỹ nghệ: kỹ thuật viên, cán bộ kỹ thuật, quản đốc, phó quản đốc xưởng;

- Trực tiếp mở xưởng sản xuất chỉ đạo tổ chức kinh doanh và chỉ đạo kỹ thuật trong xưởng sản xuất của mình.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian đào tạo: 03 năm

- Thời gian học tập: 131 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu: 3971 giờ

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn và thi tốt nghiệp: 360 giờ; (Trong đó thi tốt nghiệp: 60 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ.

- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 3521 giờ

+ Thời gian học bắt buộc: 2713 giờ; Thời gian học tự chọn: 808 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 1053 giờ; Thời gian học thực hành: 2468 giờ.

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Các môn học chung	450	220	200	30
MH 01	Chính trị	90	60	24	06
MH 02	Pháp luật	30	21	07	02

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 03	Giáo dục thể chất	60	04	52	04
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	75	58	13	04
MH 05	Tin học	75	17	54	04
MH 06	Ngoại ngữ	120	60	50	10
II	Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc	2713	826	1703	184
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	175	131	32	12
MH 07	Kỹ thuật nhiệt	55	43	08	04
MH 08	Điện kỹ thuật	45	32	10	03
MH 09	An toàn lao động	30	21	06	03
MH 10	Quản lý sản xuất	45	35	08	02
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	2538	695	1671	172
MĐ 11	Vẽ mỹ thuật	180	32	136	12
MĐ 12	Chuẩn bị nguyên liệu, dụng cụ, thiết bị	212	62	140	10
MĐ 13	Thiết kế, gia công lò đúc đồng	122	43	71	08
MĐ 14	Đúc phôi liệu dát đồng	158	46	98	14
MĐ 15	Đúc nôi đồng	190	53	123	14
MĐ 16	Đúc bình hoa	218	63	141	14
MĐ 17	Đúc đỉnh đồng	252	73	163	16
MĐ 18	Đúc phù điêu mùa xuân	160	47	101	12
MĐ 19	Đúc tượng phật	195	54	127	14
MĐ 20	Đúc chuông đồng	207	58	135	14
MĐ 21	Hoàn thiện sản phẩm đúc đồng	232	54	168	10
MĐ 22	Dát mâm đồng	186	50	120	16
MĐ 23	Dát chậu đồng	226	60	148	18
Tổng cộng		3163	1046	1903	214

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Trong chương trình khung trình độ cao đẳng nghề đúc, dát đồng mỹ nghệ đã thiết kế: Tổng số giờ học tối thiểu: 3971 giờ; trong đó: 2713 giờ giành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc và 808 giờ (Lý thuyết: 227 giờ; Thực hành: 581 giờ) của các mô đun đào tạo nghề tự chọn;

- Các Cơ sở dạy nghề căn cứ vào điều kiện thực tế đào tạo của mình và nhu cầu thực tiễn tại địa phương và các vùng phụ cận để lựa chọn các mô đun tự chọn cho phù hợp với chương trình đào tạo nghề.

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 24	Đúc phù điêu cửa vông	164	47	105	12
MĐ 25	Đúc phù điêu mùa thu	160	47	101	12
MĐ 26	Đúc nghệ đồng	192	53	125	14
MĐ 27	Đúc hạc đồng	248	73	159	16
MĐ 28	Đúc tượng La Hán	198	54	130	14
MĐ 29	Đúc tượng Bác Hồ	204	54	136	14

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

- Ví dụ: Cơ sở dạy nghề có thể chọn các mô đun tự chọn sau:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 24	Đúc phù điêu cửa vông	164	47	105	12
MĐ 26	Đúc nghệ đồng	192	53	125	14

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 27	Đúc hạc đồng	248	73	159	16
MĐ 29	Đúc tượng Bác Hồ	204	54	136	14
Tổng cộng		808	227	525	56

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Các mô đun đã được xây dựng đến tên bài, nội dung chính của từng bài, từ đó các Cơ sở dạy nghề tự xây dựng chương trình chi tiết nội dung của các bài học để thuận lợi cho giáo viên khi lên lớp.

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quyết định số 14/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Thi môn chính trị: Được tổ chức theo hình thức thi viết với thời gian không quá 120 phút hoặc thi trắc nghiệm với thời gian không quá 60 phút;

- Thi kiến thức, kỹ năng nghề: gồm thi lý thuyết nghề và thi thực hành nghề:

+ Thi lý thuyết nghề được tổ chức theo hình thức thi viết, trắc nghiệm với thời gian thi không quá 180 phút hoặc thi vấn đáp với thời gian cho 1 học sinh là 40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời;

+ Thi thực hành nghề được tổ chức theo hình thức thực hành bài tập kỹ năng tổng hợp để hoàn thiện một sản phẩm. Thời gian thi thực hành cho một sinh viên không quá 24 giờ.

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (Chuẩn bị 40 phút, vấn đáp không quá 20 phút)

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
2	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề - Thực hành nghề; - Mô đun tốt nghiệp (<i>tích hợp lý thuyết với thực hành</i>)	Viết, trắc nghiệm Vấn đáp Bài thi thực hành kỹ năng tổng hợp Bài thi lý thuyết và thực hành	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (Chuẩn bị 40 phút, vấn đáp không quá 20 phút cho 1 sinh viên) Không quá 24 giờ/sinh viên Không quá 24 giờ/sinh viên

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (Được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Hoạt động ngoại khóa phục vụ chuyên môn nghề:
 - + Để sinh viên có điều kiện tìm hiểu thực tế sản xuất, trường có thể bố trí cho học sinh tham quan các làng nghề đúc đồng, các cơ sở đúc, dát đồng ở Đại Bái (Bắc Ninh), Vạn Diêm (Ý Yên - Nam Định), Thiệu Yên (Thanh Hóa), các cơ sở đúc đồng tại Huế, Đồng Nai, Bình Dương;
 - + Sử dụng từ 7 đến 10 ngày cho sinh viên đi tham quan học tập tại các làng nghề đúc, dát đồng mỹ nghệ. Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa.
 - + Mời một số nghệ nhân đúc đồng về thỉnh giảng tại trường;
 - + Tổ chức các buổi nói chuyện về chuyên môn nghề Đúc, dát đồng mỹ nghệ do các nghệ nhân Đúc, dát đồng mỹ nghệ là diễn giả để củng cố chuyên môn, tăng thêm hiểu biết và lòng yêu nghề cho sinh viên.
- Hoạt động thể dục thể thao:
 - + Duy trì nề nếp tập thể dục buổi sáng cho sinh viên toàn trường;
 - + Tổ chức cho sinh viên tham gia các phong trào thể dục thể thao: bóng chuyền, bóng đá, cầu lông, bóng bàn, bơi lội ngoài giờ học và trong các kỳ nghỉ;

+ Nhà trường tổ chức các hội thao hàng năm, tổ chức cho sinh viên của trường tham gia thi đấu thể thao trong các hội thao của địa phương hoặc của các trường trong và ngoài ngành.

- Hoạt động văn hóa, văn nghệ:

+ Duy trì phong trào hát múa tập thể thường xuyên trong sinh viên;

+ Hàng năm tổ chức hội diễn văn nghệ trong nhà trường;

+ Tổ chức cho sinh viên của trường tham gia giao lưu trong các hội diễn văn nghệ của địa phương và các trường trong ngoài ngành;

+ Tổ chức các buổi nói chuyện ngoại khóa, mời các nhà văn, nhà thơ, các diễn giả về trường giao lưu với sinh viên.

- Hoạt động thư viện:

+ Đầu tư kinh phí mua sách báo chuyên môn, văn hóa, chính trị, xây dựng thư viện có đầy đủ cơ sở vật chất để phục vụ việc học tập, nghiên cứu của sinh viên;

+ Thư viện nhà trường thường xuyên mở cửa vào tất cả các ngày làm việc trong tuần.

- Hoạt động thanh niên:

Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tổ chức sinh hoạt chính trị, vui chơi, giải trí thường xuyên cho sinh viên trong trường, xây dựng nề nếp học tập, làm việc, vui chơi bổ ích, lành mạnh.

- Nội dung và thời gian tổ chức các hoạt động ngoại khóa có thể tham khảo bảng sau:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần

Số TT	Nội dung	Thời gian
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần
6	Tổ chức hội thi các sản phẩm nghề Đức, đất đồng mỹ nghệ	Mỗi học kỳ tổ chức 1 lần

4. Các chú ý khác:

Khi các trường lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn có thể sắp xếp lại mã môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của trường mình để dễ theo dõi, quản lý./.

Phụ lục 2**CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ,
CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ CHO NGHỀ
“ĐỒ GÓM MỸ THUẬT”**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2010/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 4 năm 2010
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

Phụ lục 2A**CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ**

Tên nghề: Đồ gốm mỹ thuật

Mã nghề: 40210108

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;
(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học thêm phần văn hóa phổ thông theo quy định
của Bộ Giáo dục và Đào tạo);

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 32

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp trung cấp nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:

- Kiến thức:

+ Trình bày được cách chuẩn bị dụng cụ, nguyên vật liệu dùng trong nghề Đồ gốm mỹ thuật;

+ Mô tả được cấu tạo và nguyên lý, phương pháp sử dụng các dụng cụ làm nghề Đồ gốm mỹ thuật;

+ Mô tả được tính chất các loại nguyên liệu đất gốm;

+ Trình bày được quy trình kỹ thuật tiện cốt sản phẩm mộc;

+ Mô tả quy trình kỹ thuật tạo mẫu sản phẩm gốm;

+ Mô tả được quy trình kỹ thuật đổ khuôn sản phẩm gốm;

+ Trình bày quy trình kỹ thuật tạo sản phẩm mộc bằng phương pháp tranh khuôn in;

+ Mô tả được quy trình kỹ thuật tạo sản phẩm mộc bằng phương pháp khuôn đồ rót;

+ Mô tả được quy trình kỹ thuật tạo sản phẩm mộc bằng phương pháp lên con trạch;

+ Mô tả được quy trình kỹ thuật tạo sản phẩm mộc bằng phương pháp vuốt.

- Kỹ năng:

+ Sử dụng thành thạo dụng cụ tiện sửa cốt sản phẩm gốm;

+ Chọn được nguyên, vật liệu phù hợp với từng loại sản phẩm;

+ Sửa chữa được các loại dụng cụ làm đồ gốm;

+ Bảo quản các loại trang thiết bị, dụng cụ, vật liệu ngành gốm đạt yêu cầu kỹ thuật;

+ Sản xuất được một số sản phẩm đồ gốm đạt yêu cầu kỹ thuật;

+ Tiện cốt, tạo mẫu được các loại sản phẩm: bát ăn cơm, bình, lọ, tranh và tượng trang trí trong không gian nội thất;

+ Chữa được một số lỗi hỏng hóc trong khi gia công sản phẩm;

+ Vẽ được mẫu và gia công hoàn chỉnh được sản phẩm gốm;

+ Tính toán được mức độ khấu hao, mức giá thành của sản phẩm đồ gốm.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:

+ Chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách và Pháp luật của Nhà nước;

+ Xác định rõ trách nhiệm của cá nhân đối với tập thể và xã hội;

+ Nắm được kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam;

+ Hiểu biết cơ bản về truyền thống quý báu của dân tộc, của giai cấp công nhân và Công đoàn Việt Nam;

+ Rèn luyện trở thành người lao động mới có phẩm chất chính trị, có đạo đức tốt và năng lực hoàn thành nhiệm vụ, có ý thức trách nhiệm.

- Thể chất và quốc phòng:

+ Thực hành được những kỹ thuật cơ bản của một số môn thể dục thể thao quy định trong chương trình; tập luyện thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe thường xuyên;

+ Thực hiện được các kỹ năng quân sự cần thiết, biết vận dụng phòng vệ cá nhân và tham gia bảo vệ an toàn đơn vị, cơ sở. Có tinh thần sẵn sàng tham gia các lực lượng vũ trang bảo vệ Tổ quốc;

+ Rèn luyện thân thể đảm bảo sức khỏe học tập và công tác khi ra trường, phù hợp với lao động nghề nghiệp;

+ Có kiến thức và kỹ năng về quân sự phổ thông để thực hiện nghĩa vụ quốc phòng toàn dân.

3. Cơ hội việc làm:

- Học xong học sinh được nhận vào làm trong các công ty, doanh nghiệp, các làng nghề chuyên sản xuất gốm sứ gia dụng và gốm mỹ thuật.

- Vị trí làm việc:

+ Công nhân kỹ thuật tiện, vuốt, tạo sản phẩm bằng lên con trạch;

+ Công nhân kỹ thuật đổ khuôn sản phẩm;

+ Phó tổ trưởng sản xuất sản phẩm mộc;

+ Tổ trưởng sản xuất sản phẩm mộc;

+ Công nhân sản xuất trong làng nghề hay tự tổ chức sản xuất.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian đào tạo: 02 năm
- Thời gian học tập: 90 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 2750 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn và thi tốt nghiệp: 280 giờ; (Trong đó thi tốt nghiệp: 60 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2540 giờ
- + Thời gian học bắt buộc: 1778 giờ; Thời gian học tự chọn: 762 giờ
- + Thời gian học lý thuyết: 635 giờ; Thời gian học thực hành: 1905 giờ

3. Thời gian học văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở: 1200 giờ

(Danh mục các môn học văn hóa Trung học phổ thông và phân bổ thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong chương trình khung giáo dục trung cấp chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự học tập các môn học phải theo logic sư phạm, đảm bảo học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả).

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Các môn học chung	210	106	87	17
MH 01	Chính trị	30	22	6	2
MH 02	Pháp luật	15	10	4	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	45	28	13	4
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ	60	30	25	5
II	Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc	1778	445	1216	117
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	175	73	89	13
MH 07	Vẽ mỹ thuật cơ sở	100	5	89	6
MH 08	An toàn lao động	30	27	0	3
MH 09	Quản lý sản xuất	45	41	0	4
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	1603	372	1127	104
MH 10	Nguyên liệu đất	70	30	35	5
MĐ 11	Chuẩn bị nguyên liệu	45	10	31	4
MĐ 12	Chuẩn bị máy, dụng cụ	50	20	27	3
MĐ 13	Chế biến nguyên liệu	120	30	86	4
MĐ 14	Vẽ ký họa	100	5	88	7

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 15	Nghiên cứu vẽ hoa văn họa tiết cổ	100	5	88	7
MĐ 16	Kỹ thuật chuẩn bị nguyên vật liệu làm khuôn thạch cao	95	20	69	6
MĐ 17	Đổ khuôn sản phẩm	145	55	80	10
MĐ 18	Tạo hình bán công nghiệp	135	35	91	9
MĐ 19	Tạo hình sản phẩm thủ công	118	32	79	7
MĐ 20	Kỹ thuật đắp nặn và dập sản phẩm	150	30	108	12
MĐ 21	Kỹ thuật trang trí sản phẩm	142	25	107	10
MĐ 22	Phương pháp phủ men sản phẩm	57	20	34	3
MĐ 23	Kỹ thuật nung đốt	76	5	67	4
MĐ 24	Tạo sản phẩm trang trí kiến trúc	200	50	137	13
Tổng cộng		1988	551	1293	134

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Trong chương trình khung trình độ cao đẳng nghề Đồ gốm mỹ thuật đã thiết kế tổng hợp số giờ thực học tối thiểu là: 2750 giờ, Trong đó 210 giờ là các môn học chung theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; trong đó 1778 giờ dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc và 762 giờ (Lý thuyết: 190 giờ; Thực hành: 572 giờ) của các mô đun đào tạo nghề tự chọn. Các Cơ sở dạy nghề cần căn cứ vào điều kiện thực tế đào tạo của cơ sở mình và thực tiễn nhu cầu lao động tại địa phương và các vùng lân cận để lựa chọn các mô đun tự chọn trong đó: 10 mô đun ở mục 1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun

đào tạo nghề tự chọn, cho phù hợp với điều kiện của từng cơ sở dạy nghề và vùng, miền hoặc địa phương.

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 25	Tạo hình trên bàn xoay	120	20	93	7
MĐ 26	Thiết kế mẫu bát gốm trên bản vẽ kỹ thuật	60	5	50	5
MĐ 27	Tạo mẫu bình gốm ứng dụng	70	9	55	6
MĐ 28	Tạo mẫu đồ lưu niệm	137	25	102	10
MĐ 29	Vi tính chuyên ngành	100	70	24	6
MĐ 30	Tạo mẫu sản phẩm treo tường	110	20	83	7
MĐ 31	Tạo mẫu bộ đèn trang trí	80	10	65	5
MĐ 32	Phù điêu trang trí	85	31	49	5
MĐ 33	Tạo mẫu lăng hoa để bàn	90	25	62	3
MĐ 34	Tạo mẫu bộ tượng nghệ thuật	100	20	76	4
Tổng cộng					

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

- Ví dụ: Cơ sở dạy nghề có thể chọn những mô đun tự chọn sau đây:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 25	Tạo hình trên bàn xoay	120	20	93	7
MĐ 26	Thiết kế mẫu bát Bát gốm trên bản vẽ kỹ thuật	60	5	50	5
MĐ 27	Tạo mẫu bình gốm ứng dụng	70	9	55	6
MĐ 28	Tạo mẫu đồ lưu niệm	137	25	102	10

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 29	Vi tính chuyên ngành	100	70	24	6
MĐ 30	Tạo mẫu sản phẩm treo tường	110	20	83	7
MĐ 31	Tạo mẫu bộ đèn trang trí	80	10	65	5
MĐ 32	Phù điêu trang trí	85	31	49	5
Tổng cộng		762	190	521	51

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Các mô đun đã được xây dựng đến tên bài, nội dung chính của từng bài, từ đó các trường tự xây dựng chương trình chi tiết nội dung của các bài học để thuận lợi cho giáo viên khi lên lớp.

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quyết định số 14/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Thi môn chính trị: Được tổ chức theo hình thức thi viết với thời gian không quá 120 phút hoặc thi trắc nghiệm với thời gian không quá 60 phút;

- Thi kiến thức, kỹ năng nghề: gồm thi lý thuyết nghề và thi thực hành nghề:

+ Thi lý thuyết nghề được tổ chức theo hình thức thi viết, trắc nghiệm với thời gian thi không quá 180 phút hoặc thi vấn đáp với thời gian cho 1 học sinh là 40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời;

+ Thi thực hành nghề được tổ chức theo hình thức thực hành bài tập kỹ năng tổng hợp để hoàn thiện một sản phẩm. Thời gian thi thực hành cho một học sinh không quá 24 giờ.

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (Chuẩn bị 40 phút, vấn đáp không quá 20 phút)

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
2	Văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề - Thực hành nghề; - Mô đun tốt nghiệp (<i>tích hợp lý thuyết với thực hành</i>)	Viết, trắc nghiệm Vấn đáp Bài thi thực hành kỹ năng tổng hợp Bài thi lý thuyết và thực hành	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (Chuẩn bị 40 phút, vấn đáp không quá 20 phút cho 1 học sinh) Không quá 24 giờ/học sinh Không quá 24 giờ/học sinh

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoài khóa (Được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Hoạt động ngoại khóa phục vụ chuyên môn nghề:
 - + Để học sinh có điều kiện tìm hiểu thực tế sản xuất, trường có thể bố trí cho học sinh tham gia các làng nghề Gốm, các cơ sở sản xuất gốm ở Bát Tràng (Hà Nội), Phù Lãng (Quế Võ - Bắc Ninh), hay gốm Thổ Hà (Bắc Ninh), gốm Biên Hòa (Biên Hòa - Đồng Nai);
 - + Sử dụng từ 7 đến 10 ngày cho học sinh đi tham quan học tập tại các làng nghề làm gốm. Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa;
 - + Mời một số nghệ sĩ, nghệ nhân gốm về thỉnh giảng tại trường;
 - + Tổ chức các buổi nói chuyện ngoại khóa về chuyên môn nghề Đồ gốm mỹ thuật do các nghệ sĩ gốm có chuyên môn về mỹ thuật là diễn giả để củng cố chuyên môn, tăng thêm hiểu biết và lòng yêu nghề cho học sinh.
- Hoạt động thể dục thể thao:
 - + Duy trì nề nếp tập thể dục buổi sáng cho học sinh toàn trường;

+ Tổ chức cho học sinh tham gia các phong trào thể dục thể thao: bóng chuyền, bóng đá, cầu lông, bóng bàn, bơi lội ngoài giờ học và trong các ngày nghỉ;

+ Nhà trường tổ chức các hội thao hàng năm, tổ chức cho học sinh của trường tham gia thi đấu thể thao trong các hội thao của địa phương hoặc của các trường trong và ngoài ngành.

- Hoạt động văn hóa, văn nghệ:

+ Duy trì phong trào hát múa tập thể thường xuyên cho học sinh;

+ Hàng năm tổ chức hội diễn văn nghệ trong nhà trường;

+ Tổ chức cho học sinh của trường tham gia giao lưu các hội diễn văn nghệ của địa phương và các trường trong, ngoài ngành;

+ Tổ chức các buổi nói chuyện ngoại khóa, mời các nhà văn nhà thơ, các diễn giả về giao lưu với học sinh.

- Hoạt động thư viện:

+ Đầu tư kinh phí mua sách báo chuyên môn, văn hóa, chính trị, xây dựng thư viện có đầy đủ cơ sở vật chất để phục vụ học tập, nghiên cứu của học sinh.

- Hoạt động thanh niên:

+ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tổ chức sinh hoạt chính trị, vui chơi, giải trí thường xuyên cho học sinh trong trường, xây dựng nề nếp học tập, việc làm, vui chơi bổ ích, lành mạnh.

- Nội dung và thời gian tổ chức các hoạt động ngoại khóa có thể tham khảo bảng sau:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần

Số TT	Nội dung	Thời gian
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần
6	Tổ chức hội thi các sản phẩm nghề Đồ gốm mỹ thuật	Mỗi học kỳ tổ chức 1 lần

4. Các chú ý khác:

Khi các trường lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn có thể sắp xếp lại mã môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của trường mình để dễ theo dõi quản lý./.

Phụ lục 2B

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ

Tên nghề: Đồ gốm mỹ thuật

Mã nghề: 50210108

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 33

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:

- Kiến thức:

+ Trình bày được cách chuẩn bị dụng cụ, nguyên vật liệu dùng trong nghề Đồ gốm mỹ thuật;

+ Trình bày được cấu tạo và nguyên lý, phương pháp sử dụng các dụng cụ làm nghề Đồ gốm mỹ thuật;

+ Phân tích được tính chất các loại nguyên liệu đất gốm;

+ Trình bày được quy trình kỹ thuật tiện cốt sản phẩm gốm;

+ Phân tích được quy trình kỹ thuật tạo mẫu sản phẩm gốm;

+ Phân tích được quy trình kỹ thuật đồ khuôn sản phẩm gốm;

+ Phân tích được quy trình kỹ thuật gia công những sản phẩm ứng dụng trên dây chuyền làm gốm.

- Kỹ năng:

+ Sử dụng thành thạo dụng cụ tiện sửa cốt sản phẩm gốm;

+ Chọn được nguyên, vật liệu phù hợp với từng loại sản phẩm;

+ Sửa chữa được các loại dụng cụ làm đồ gốm;

+ Bảo quản các loại trang thiết bị, dụng cụ, vật liệu ngành gốm đạt yêu cầu kỹ thuật;

+ Sản xuất được một số sản phẩm đồ gốm gia dụng và gốm trang trí đạt yêu cầu kỹ thuật;

- + Làm được các công đoạn trang trí men lên sản phẩm gốm;
- + Tiện cốt, tạo mẫu và đồ khuôn được các loại sản phẩm gốm thông dụng;
- + Chắp gắn được sản phẩm mộc;
- + Chữa được một số lỗi hỏng trong khi gia công sản phẩm;
- + Vẽ được mẫu và gia công hoàn chỉnh được sản phẩm gốm;
- + Thiết kế mẫu trên dây chuyền công nghiệp;
- + Tính toán được mức độ khấu hao, mức giá thành của sản phẩm đồ gốm;
- + Tự tổ chức, phân tích đánh giá tình hình tạo mẫu và sản xuất đưa vào giải pháp xử lý các tình huống tương đối phức tạp trong hoạt động chuyên ngành.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:
 - + Chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách và Pháp luật của Nhà nước;
 - + Xác định rõ trách nhiệm của cá nhân đối với tập thể và xã hội;
 - + Nắm được kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam;
 - + Hiểu biết cơ bản về truyền thống quý báu của dân tộc, của giai cấp công nhân và Công đoàn Việt Nam;
 - + Rèn luyện trở thành người lao động mới có phẩm chất chính trị, có đạo đức tốt và năng lực hoàn thành nhiệm vụ, có ý thức trách nhiệm đường lối của Đảng, Pháp luật của Nhà Nước.
- Thể chất và quốc phòng:
 - + Thực hiện được những kỹ thuật cơ bản của một số môn thể dục thể thao quy định trong chương trình;
 - + Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để tự luyện tập nhằm tăng cường bảo vệ sức khỏe, phát triển tố chất thể lực chung và thể lực chuyên môn nghề nghiệp; tập luyện thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe thường xuyên;
 - + Hiểu rõ truyền thống đấu tranh xây dựng nước và giữ nước của dân tộc, lịch sử truyền thống vẻ vang của các lực lượng vũ trang, làm tốt công tác quốc phòng, an ninh cơ sở và sẵn sàng tham gia lực lượng vũ trang;
 - + Thành thạo các kỹ năng quân sự cần thiết, biết vận dụng vào phòng vệ cá nhân và tham gia bảo vệ an toàn đơn vị, cơ sở;

+ Rèn luyện thân thể đảm bảo sức khỏe học tập và công tác khi ra trường, phù hợp với lao động nghề nghiệp;

+ Có kiến thức và kỹ năng về quân sự phổ thông để thực hiện nghĩa vụ quốc phòng toàn dân.

3. Cơ hội việc làm:

- Học xong sinh viên sẽ được nhận vào làm trong các công ty, doanh nghiệp, các làng nghề chuyên sản xuất gốm sứ gia dụng và gốm mỹ thuật.

- Vị trí làm việc:

+ Nhân viên kỹ thuật tạo mẫu trang trí;

+ Nhân viên thiết kế và tạo mẫu;

+ Kỹ thuật viên;

+ Tổ trưởng tổ tạo mẫu và khuôn mẫu;

+ Tổ phó tổ tạo mẫu và khuôn mẫu;

+ Tổ trưởng sản xuất;

+ Tổ phó sản xuất;

+ Trưởng ca sản xuất;

+ Công nhân sản xuất trong làng nghề hay tự tổ chức sản xuất.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian đào tạo: 03 năm

- Thời gian học tập: 131 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu: 3850 giờ

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn và thi tốt nghiệp: 350 giờ; (Trong đó thi tốt nghiệp: 60 giờ).

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ

- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 3400 giờ;

+ Thời gian học bắt buộc: 2380 giờ; Thời gian học tự chọn: 1020 giờ.

+ Thời gian học lý thuyết: 850 giờ; Thời gian học thực hành: 2550 giờ.

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Các môn học chung	450	220	200	30
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	21	7	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	75	58	13	4
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ	120	60	50	10
II	Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc	2380	595	1632	153
II. 1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	240	103	122	15
MH 07	Vẽ mỹ thuật cơ sở	150	29	112	9
MH 08	An toàn lao động	30	22	5	3
MH 09	Quản lý sản xuất	60	52	5	3
II. 2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	2140	492	1510	138
MH 10	Nguyên liệu đất	75	55	15	5
MĐ 11	Lịch sử, thiết kế chuyên ngành	30	23	5	2
MĐ 12	Vẽ hình họa chuyên ngành	160	15	134	11
MĐ 13	Chuẩn bị nguyên liệu	45	27	15	3
MĐ 14	Chuẩn bị máy, dụng cụ	50	33	15	2
MĐ 15	Chế biến nguyên liệu	150	76	64	10
MĐ 16	Kỹ thuật tạo mẫu, tạo cốt, đổ khuôn	125	35	82	8
MĐ 17	Tạo hình sản phẩm	150	20	120	10
MĐ 18	Sửa sản phẩm	100	15	79	6
MĐ 19	Kỹ thuật trang trí	140	15	116	9

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 20	Kỹ thuật trang trí nâng cao	165	16	138	11
MĐ 21	Phương pháp phủ men sản phẩm	150	27	113	10
MĐ 22	Kỹ thuật nung đốt, phân loại	100	30	65	5
MĐ 23	Sáng tác, thể hiện mẫu	165	20	134	11
MĐ 24	Sáng tác, thể hiện mẫu nâng cao	145	20	116	9
MĐ 25	Thiết kế mẫu bộ đồ ăn	190	30	147	13
MĐ 26	Sáng tác thiết kế gốm trang trí vách ngăn	200	35	152	13
Tổng cộng		2830	815	1832	183

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Trong chương trình khung trình độ cao đẳng nghề đồ gốm mỹ thuật đã thiết kế tổng hợp số giờ thực học tối thiểu là: 3850 giờ, Trong đó 450 giờ là các môn học trung theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trong đó 2380 giờ dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc và 1020 giờ (Lý thuyết: 255 giờ; Thực hành: 765 giờ) của các mô đun đào tạo nghề tự chọn. Các Cơ sở dạy nghề cần căn cứ vào điều kiện thực tế đào tạo của cơ sở mình và thực tiễn nhu cầu lao động tại địa phương và các vùng lân cận để lựa chọn các mô đun tự chọn trong đó: 12 mô đun ở mục 1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn, cho phù hợp với điều kiện của mình và từng vùng, miền hoặc địa phương.

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 27	Marketing	60	36	20	4
MH 28	Quản lý chất lượng sản phẩm	45	25	17	3
MĐ 29	Đồ họa trên sản phẩm đồ gốm mỹ thuật	130	20	101	19
MĐ 30	Thiết kế, tạo dáng sản phẩm trên máy vi tính	185	35	138	12
MĐ 31	Tạo mẫu, trang trí lọ lục bình	190	39	138	13
MĐ 32	Tạo mẫu trang trí tranh ghép mảnh nhỏ	200	50	137	13
MĐ 33	Sáng tác thiết kế gốm trang trí kết hợp với nước chảy	210	50	146	14
MĐ 34	Tạo mẫu bộ tượng gốm trang trí sân vườn	175	35	128	12
MĐ 35	Tạo mẫu gốm trang trí kiến trúc	185	35	138	12
MĐ 36	Tạo mẫu bộ tượng gốm trang trí nội thất nâng cao	190	45	132	13
MĐ 37	Sáng tác tranh phù điêu gốm	200	50	137	13
MĐ 38	Tạo mẫu tranh tứ quý bằng gốm màu	210	52	144	13

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

- Ví dụ: Cơ sở dạy nghề có thể lựa chọn những mô đun và môn học tự chọn sau đây:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 27	Marketing	60	36	20	4
MH 28	Quản lý chất lượng sản phẩm	45	25	17	3

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 29	Đồ họa trên sản phẩm đồ gốm mỹ thuật	130	20	101	9
MĐ 30	Thiết kế, tạo dáng sản phẩm trên máy vi tính	185	35	138	12
MĐ 31	Tạo mẫu, trang trí lọ lục bình	190	39	138	13
MĐ 32	Tạo mẫu trang trí tranh ghép mảnh nhỏ	200	50	137	13
MĐ 33	Sáng tác thiết kế gốm trang trí kết hợp với nước chảy	210	50	146	14
Tổng cộng		1020	255	697	68

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Các mô đun đã được xây dựng đến tên bài, nội dung chính của từng bài, từ đó các trường tự xây dựng chương trình chi tiết nội dung của các bài học để thuận lợi cho giảng viên khi lên lớp.

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quyết định số 14/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Thi môn chính trị: Được tổ chức theo hình thức thi viết với thời gian không quá 120 phút hoặc thi trắc nghiệm với thời gian không quá 60 phút;

- Thi kiến thức, kỹ năng nghề: gồm thi lý thuyết nghề và thi thực hành nghề:

+ Thi lý thuyết nghề được tổ chức theo hình thức thi viết, trắc nghiệm với thời gian thi không quá 180 phút hoặc thi vấn đáp với thời gian cho 1 học sinh là 40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời;

+ Thi thực hành nghề được tổ chức theo hình thức thực hành bài tập kỹ năng tổng hợp để hoàn thiện một sản phẩm. Thời gian thi thực hành cho một sinh viên không quá 24 giờ.

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (Chuẩn bị 40 phút, vấn đáp không quá 20 phút)
2	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề - Thực hành nghề; - Mô đun tốt nghiệp (<i>tích hợp lý thuyết với thực hành</i>)	Viết, trắc nghiệm Vấn đáp Bài thi thực hành kỹ năng tổng hợp Bài thi lý thuyết và thực hành	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (Chuẩn bị 40 phút, vấn đáp không quá 20 phút cho 1 thí sinh) Không quá 24 giờ/sinh viên Không quá 24 giờ/sinh viên

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (Được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Hoạt động ngoại khóa phục vụ chuyên môn nghề:
- + Để sinh viên có điều kiện tìm hiểu thực tế sản xuất, trường có thể bố trí cho sinh viên tham quan các làng nghề gốm mỹ thuật các cơ sở sản xuất gốm ở Bát Tràng (Hà Nội), Phù Lãng (Quế Võ - Bắc Ninh), hay gốm Thổ Hà (Bắc Ninh), gốm Biên Hòa (Biên Hòa - Đồng Nai);
- + Sử dụng 7 đến 10 ngày cho sinh viên đi tham quan học tập tại các làng nghề làm gốm ứng dụng - mỹ thuật. Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa;
- + Mời một số họa sĩ điêu khắc gốm, nghệ nhân gốm về thỉnh giảng tại trường;
- + Tổ chức các buổi nói chuyện về chuyên môn nghề Đồ gốm mỹ thuật do các nghệ nhân gốm mỹ thuật là diễn giả để củng cố chuyên môn, tăng thêm hiểu biết và lòng yêu nghề cho sinh viên.

- Hoạt động thể dục thể thao:

+ Duy trì nề nếp tập thể dục buổi sáng cho sinh viên toàn trường;

+ Tổ chức cho sinh viên tham gia các phong trào thể dục thể thao: bóng chuyền, bóng đá, cầu lông, bơi lội ngoài giờ học và trong các ngày nghỉ;

+ Nhà trường tổ chức các hội thao hàng năm, tổ chức cho sinh viên tham gia thi đấu thể thao trong các hội thao của địa phương hoặc của các trường trong và ngoài ngành.

- Hoạt động văn hóa, văn nghệ:

+ Duy trì phong trào múa hát tập thể thường xuyên trong sinh viên;

+ Hàng năm tổ chức hội diễn văn nghệ trong nhà trường;

+ Tổ chức cho sinh viên của trường tham gia giao lưu trong các hội diễn văn nghệ của địa phương và các trường trong ngoài ngành;

+ Tổ chức các buổi nói chuyện ngoại khóa, mời các nhà văn, nhà thơ, các diễn giả về trường giao lưu với sinh viên.

- Hoạt động thư viện:

+ Đầu tư kinh phí mua sách báo chuyên môn, văn hóa, chính trị, xây dựng thư viện có đầy đủ cơ sở vật chất để phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu của sinh viên;

+ Thư viện nhà trường thường xuyên mở cửa vào tất cả các ngày làm việc trong tuần.

- Hoạt động thanh niên:

Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tổ chức sinh hoạt chính trị, vui chơi giải trí thường xuyên cho sinh viên trong trường, xây dựng nề nếp học tập, làm việc vui chơi, bổ ích, lành mạnh.

- Nội dung và thời gian tổ chức các hoạt động ngoại khóa có thể tham khảo bảng sau:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)

Số TT	Nội dung	Thời gian
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần
6	Tổ chức hội thi các sản phẩm nghề Đức, dát đồng mỹ nghệ	Mỗi học kỳ tổ chức 1 lần

4. Các chú ý khác:

Khi các trường lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn có thể sắp xếp lại mã môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của trường mình để dễ theo dõi, quản lý./.

Phụ lục 3**CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ,
CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ CHO NGHỀ
“CHẠM KHẮC ĐÁ”**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2010/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 4 năm 2010
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

Phụ lục 3A**CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ**

Tên nghề: Chạm khắc đá

Mã nghề: 40210103

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương;

(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học thêm phần văn hóa trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo);

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 26

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp trung cấp nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:

- Kiến thức:

- + Trình bày được các kiến thức cơ bản về vẽ mỹ thuật và vẽ kỹ thuật;
- + Mô tả được các biện pháp an toàn và bảo hộ lao động;
- + Nêu được các đặc điểm và tính chất cơ bản của vật liệu đá;
- + Trình bày được các kiến thức cơ bản về tổ chức và quản lý sản xuất;
- + Trình bày được các tính năng công dụng cách sử dụng các loại dụng cụ thủ công trong nghề;
- + Mô tả được cách sử dụng, vận hành và bảo dưỡng các dụng cụ thiết bị máy móc thường dùng trong nghề;
- + Mô tả được các bước quy trình gia công phối các loại phù điêu, các loại tượng con giống và tượng người thông thường trong nghề;

+ Mô tả được các bước quy trình chạm khắc các loại phù điêu, các loại tượng con giống và tượng người dân gian trong nghề;

+ Trình bày được các kiến thức cơ bản về trang sức sản phẩm.

- Kỹ năng:

+ Chép được các mẫu thường dùng trong nghề theo mẫu có sẵn;

+ Gia công các mẫu vạch cho các sản phẩm thông thường trong nghề;

+ Nhận biết được các loại đá thường dùng trong nghề, biết lựa chọn các loại đá phù hợp cho từng loại sản phẩm;

+ Gia công được các loại phôi như: Phôi phù điêu các loại, phôi tượng con giống, phôi tượng người và phôi có dạng hình trụ thông thường trong nghề;

+ Sử dụng thành thạo các dụng cụ thủ công, các dụng cụ thiết bị máy móc trong nghề;

+ Gia công được các sản phẩm thông thường trong nghề như: Phù điêu có nền mặt phẳng, Phù điêu có nền mặt cong, Phù điêu thủng, Tượng con giống và Tượng người dân gian theo mẫu có sẵn;

+ Trang sức được các sản phẩm trong nghề;

+ Tổ chức được tổ, nhóm sản xuất và kinh doanh các sản phẩm của nghề.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:

+ Nắm được kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam;

+ Chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, đường lối và chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước;

+ Có ý thức học tập rèn luyện để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nhằm đáp ứng yêu cầu công việc;

- Thể chất và quốc phòng:

+ Có sức khỏe tốt để thực hiện các công việc của nghề;

+ Có khả năng thực hiện công tác quốc phòng, an ninh khi Nhà nước cần.

3. Cơ hội việc làm:

Sau khi học xong người học nghề Chạm khắc đá làm trong các vị trí sau:

- Công nhân chạm khắc đá, thợ điêu khắc đá;

- Kỹ thuật viên, công nhân viên trang trí nội ngoại thất;
- Kỹ thuật viên bảo tồn và tu bổ các di tích cổ;
- Quản lý một tổ, đội sản xuất;
- Tự tổ chức kinh doanh hành nghề.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian khóa học: 1,5 năm
- Thời gian học tập: 68 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 2315 giờ
- Thời gian ôn kiểm tra kết thúc môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 200 giờ;
(Trong đó thi tốt nghiệp 30 giờ).

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn chung bắt buộc: 210 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2105 giờ
- + Thời gian học bắt buộc: 1555 giờ; Thời gian học tự chọn: 550 giờ
- + Thời gian học lý thuyết: 537 giờ; Thời gian học thực hành: 1568 giờ.

3. Thời gian học văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tốt nghiệp Trung học cơ sở: 1200 giờ

(Danh mục các môn học văn hóa trung học phổ thông và phân bổ thời gian cho các môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong chương trình khung giáo dục chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự học tập phải theo logic sư phạm, đảm bảo cho học sinh tiếp thu được kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả).

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Các môn học chung	210	106	87	17
MH 01	Chính trị	30	22	6	4

09586363

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 02	Pháp luật	15	10	4	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	45	28	13	4
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ	60	30	25	5
II	Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc	1555	417	1080	58
II.1	Các môn học mô đun kỹ thuật cơ sở	210	112	87	11
MH 07	Vẽ mỹ thuật	75	25	45	5
MH 08	Vẽ kỹ thuật	45	15	28	2
MH 09	An toàn và bảo hộ lao động	30	26	3	1
MH 10	Tổ chức và quản lý sản xuất	30	26	3	1
MH 11	Vật liệu nghề Chạm khắc đá	30	20	8	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	1345	305	993	47
MĐ 12	Chuẩn bị dụng cụ và thiết bị	90	20	66	4
MĐ 13	Chuẩn bị nguyên vật liệu	100	25	70	5
MĐ 14	Chạm khắc phù điêu có nền mặt phẳng	215	50	159	6
MĐ 15	Chạm khắc phù điêu có nền mặt cong	210	50	154	6
MĐ 16	Chạm khắc phù điêu thủng	195	45	144	6
MĐ 17	Chạm khắc tượng con giống	260	60	192	8
MĐ 18	Chạm khắc tượng người dân gian	200	40	150	10
MĐ 19	Trang sức sản phẩm	75	15	58	2
	Tổng cộng	1765	523	1167	75

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Tùy theo nhu cầu của địa phương hoặc môi trường lao động, căn cứ vào tình hình trang thiết bị cụ thể của từng Cơ sở dạy nghề sẽ xác định được danh mục cụ thể các môn học, mô đun tự chọn. Có thể tham khảo trong số các môn học, mô đun gợi ý sau:

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 20	Chạm khắc con đại bàng	75	13	60	2
MĐ 21	Chạm khắc tượng con dê	70	13	53	4
MĐ 22	Chạm khắc tranh phù điêu rồng phun nước	70	13	52	5
MĐ 23	Chạm khắc tượng con cá heo	70	13	53	4
MĐ 24	Chạm khắc tranh phù điêu rồng vờn mây	80	21	54	5
MĐ 25	Chạm khắc tranh phù điêu tứ quý	70	13	52	5
MĐ 26	Chạm khắc tượng con chó	60	10	46	4
MĐ 27	Chạm khắc tượng quan âm Bồ tát ngồi	80	13	62	5
MĐ 28	Chạm khắc bàn thờ đá	100	25	70	5
MĐ 29	Chạm khắc tranh phù điêu Tứ linh	100	25	70	5

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Chương trình đưa ra 10 mô đun để lựa chọn, dựa vào đặc thù của từng vùng miền, các Cơ sở đào tạo có thể lựa chọn các mô đun trong số các mô đun trên.

Nhưng phải đảm bảo sao cho tổng số thời gian của các mô đun đào tạo nghề đã lựa chọn bằng tổng số thời gian của các mô đun đào tạo nghề tự chọn đã ấn định trong chương trình;

- Thời gian đào tạo các môn học, mô đun tự chọn chiếm từ 20 đến 30% tổng thời gian học tập các môn học, mô đun đào tạo nghề. Trong đó thực hành chiếm từ 65 đến 85% và kiến thức lý thuyết chiếm từ 15 đến 35%;

- Theo chương trình khung đã xây dựng; Thời gian đào tạo các môn học, mô đun tự chọn là: 550 giờ chiếm tỷ lệ 26% so với tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo nghề (trong đó lý thuyết chiếm 120 giờ; thực hành chiếm 430 giờ);

- Môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu đào tạo những kiến thức, kỹ năng cần thiết mang tính đặc thù riêng trong từng môi trường lao động cụ thể hoặc tính đặc thù của vùng, miền của địa phương cần có;

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc nêu trong mục 3, các Cơ sở dạy nghề tự xây dựng hoặc lựa chọn một số môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được đề nghị trong chương trình khung này (mang tính tham khảo) để áp dụng cho Cơ sở của mình;

- Việc xác định các môn học, mô đun tự chọn dựa vào các tiêu chí cơ bản như:

+ Đảm bảo mục tiêu đào tạo chung của nghề;

+ Đáp ứng được nhu cầu cần thiết của địa phương hoặc của từng môi trường lao động cụ thể;

+ Đảm bảo thời gian đào tạo theo quy định;

+ Đảm bảo tỷ lệ thời gian (lý thuyết, thực hành) theo quy định.

- Thời gian, nội dung của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn do Cơ sở dạy nghề tự xây dựng hoặc có thể tham khảo, điều chỉnh từ các môn học, mô đun đề nghị trong chương trình khung này, trên cơ sở đảm bảo mục tiêu đào tạo và yêu cầu đặc thù của ngành nghề hoặc vùng miền;

- Nếu Cơ sở dạy nghề chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn đề nghị trong chương trình khung này thì tiến hành xây dựng đề cương chi tiết từng bài học cho từng chương cụ thể. Sau đó tiến hành thẩm định và ban hành chương trình chi tiết các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn cho Cơ sở của mình;

- Về thời gian đào tạo các môn học, mô đun tự chọn, các Cơ sở dạy nghề tự bố trí, cân đối vào các học kỳ cho phù hợp tiến độ và tính chất môn học, mô đun (có thể bố trí từ học kỳ II trở đi, tùy tính chất từng môn học, mô đun);

- Về thời lượng chi tiết của từng bài học trong các môn học, mô đun tự chọn, các Cơ sở dạy nghề có thể tự cân đối, thay đổi sao cho phù hợp với nội dung yêu cầu. Ví dụ có thể chọn các mô đun sau:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 21	Chạm khắc tượng con dê	70	13	53	4
MĐ 23	Chạm khắc tượng con cá heo	70	13	53	4
MĐ 24	Chạm khắc tranh phù điêu rồng vờn mây	80	21	54	5
MĐ 26	Chạm khắc tranh phù điêu tứ quý	70	13	52	5
MĐ 27	Chạm khắc tượng con chó	60	10	46	4
MĐ 30	Chạm khắc bàn thờ đá	100	25	70	5
MĐ 31	Chạm khắc tranh phù điêu Tứ linh	100	25	70	5
Tổng cộng		550	120	398	32

Sau khi lựa chọn các mô đun tự chọn, các Cơ sở dạy nghề cần sắp xếp lại thứ tự các mô đun cho phù hợp.

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quyết định số 14/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Thi môn chính trị: Được tổ chức theo hình thức thi viết với thời gian không quá 120 phút hoặc thi trắc nghiệm với thời gian không quá 60 phút;

- Thi kiến thức, kỹ năng nghề: gồm thi lý thuyết nghề và thi thực hành nghề:

+ Thi lý thuyết nghề được tổ chức theo hình thức thi viết, trắc nghiệm với thời gian thi không quá 180 phút hoặc thi vấn đáp với thời gian cho 1 học sinh là 40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời;

+ Thi thực hành nghề được tổ chức theo hình thức thực hành bài tập kỹ năng tổng hợp để hoàn thiện một sản phẩm. Thời gian thi thực hành cho một học sinh không quá 24 giờ.

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (Chuẩn bị 40 phút, vấn đáp không quá 20 phút)
2	Văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề - Thực hành nghề; - Mô đun tốt nghiệp (<i>tích hợp lý thuyết với thực hành</i>)	Viết, trắc nghiệm Vấn đáp Bài thi thực hành kỹ năng tổng hợp Bài thi lý thuyết và thực hành	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (Chuẩn bị 40 phút, vấn đáp không quá 20 phút cho 1 học sinh) Không quá 24 giờ/học sinh Không quá 24 giờ/học sinh

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoài khóa (Được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Nhằm mục đích giáo dục toàn diện, để học sinh có được nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Cơ sở dạy nghề có thể bố trí tham quan, học tập dã ngoại tại một số doanh nghiệp chế tác đá tại Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng, làng nghề Chạm khắc đá Ninh Vân, Hoa Lư, Ninh Bình, Nhà thờ đá Phát Diệm - Ninh Bình, Chùa Bái Đính - Ninh Bình, tham quan một số các công trình kiến trúc đá đang được xây dựng;

- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm thích hợp;

- Nội dung và thời gian tổ chức các hoạt động ngoại khóa có thể tham khảo bảng sau:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần
6	Tổ chức hội thi các sản phẩm nghề Chạm khắc đá	Mỗi học kỳ tổ chức 1 lần

09586363

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

4. Các chú ý khác:

- Có thể lựa chọn các môn học, mô đun trong chương trình khung này để xây dựng chương trình đào tạo Sơ cấp nghề tùy theo nhu cầu của người học và phải đảm bảo tính liên thông khi người học có nhu cầu học lên Trung cấp nghề;

- Khi các trường lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn có thể sắp xếp lại mã môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của trường mình để dễ theo dõi, quản lý./.

Phụ lục 3B**CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ**

Tên nghề: Chạm khắc đá

Mã nghề: 50210103

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 29

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp cao đẳng nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO**1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:**

- Kiến thức:

- + Trình bày được các kiến thức cơ bản về vẽ mỹ thuật và vẽ kỹ thuật;
- + Mô tả được các biện pháp an toàn và bảo hộ lao động;
- + Nêu được các đặc điểm và tính chất cơ bản của vật liệu đá;
- + Trình bày được các kiến thức cơ bản về tổ chức và quản lý sản xuất;
- + Trình bày được các tính năng công dụng cách sử dụng các loại dụng cụ thủ công trong nghề;
- + Mô tả được cách sử dụng, vận hành các dụng cụ thiết bị máy móc thường dùng trong nghề;
- + Mô tả được các bước quy trình gia công phôi các loại phù điêu, các loại tượng con giống và tượng người thông thường trong nghề;
- + Trình bày được các kiến thức cơ bản về trang sức sản phẩm;
- + Trình bày được các kiến thức cơ bản về phân loại nhập kho đóng gói sản phẩm, và định hướng sản phẩm;
- + Trình bày được các kiến thức cơ bản về thiết kế mẫu sản phẩm;
- + Vận dụng các kiến thức cơ bản về hình họa, trang trí mỹ thuật để sao chép, thiết kế mẫu trong quá trình thực hiện các bài tập trong nghề.

- Kỹ năng:

- + Chép được một số mẫu thường dùng trong nghề;
- + Nhận biết được các đặc điểm, tính chất của các vật liệu thường dùng trong nghề, biết lựa chọn, sử dụng, bảo quản được vật liệu;
- + Nhận biết được các loại đá thường dùng trong nghề, biết lựa chọn các loại đá phù hợp với từng loại sản phẩm;
- + Sử dụng thành thạo các dụng cụ thủ công, các dụng cụ thiết bị máy móc trong nghề;
- + Gia công được các loại phôi như: Phôi phù điêu các loại, phôi tượng con giống, phôi tượng người và phôi có dạng hình trụ thông thường trong nghề;
- + Thiết kế được một số mẫu thông thường trong nghề;
- + Gia công chạm khắc được các sản phẩm thông thường trong nghề như: Phù điêu có nền mặt phẳng, Phù điêu có nền mặt cong, Phù điêu thủng, tượng con giống và tượng người dân gian và tượng người hiện đại;
- + Trang sức được các sản phẩm trong nghề;
- + Phân loại và đánh giá được chất lượng các sản phẩm trong nghề;
- + Tổ chức được tổ, nhóm sản xuất và kinh doanh các sản phẩm của nghề.

2. Chính trị đạo đức, Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị đạo đức:

- + Nắm được kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam;
- + Chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, đường lối và chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước;
- + Có ý thức học tập rèn luyện để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nhằm đáp ứng yêu cầu công việc;
- + Xác định rõ nhiệm vụ của cá nhân đối với tập thể và xã hội;
- + Có lòng yêu nghề, yêu quê hương, yêu cuộc sống, có ý thức giữ gìn và bảo vệ các sản phẩm chạm khắc đá truyền thống của nghề nói riêng và các di sản văn hóa của dân tộc nói chung.

- Thể chất và quốc phòng;
- + Có sức khỏe tốt để thực hiện các công việc của nghề;
- + Có khả năng thực hiện công tác quốc phòng, an ninh khi Nhà nước cần.

3. Cơ hội việc làm:

Nghề Chạm khắc đá có thể làm trong nhà, trong gia đình, trong các lán xưởng, hoặc ngoài công trường, công ty, doanh nghiệp, xí nghiệp, chuyên sản xuất và kinh doanh sản phẩm đá mỹ nghệ;

Sau khi học xong người học nghề Chạm khắc đá có thể tham gia làm trong các vị trí sau:

- Công nhân Chạm khắc đá, thợ Điêu khắc đá;
- Kỹ thuật viên, công nhân viên trang trí nội ngoại thất;
- Kỹ thuật viên bảo tồn và tu bổ các di tích cổ;
- Hướng dẫn dạy nghề Chạm khắc đá;
- Quản lý một tổ, đội sản xuất;
- Tự tổ chức kinh doanh hành nghề;
- Tham gia lao động hợp tác với nước ngoài.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian khóa học: 2,5 năm
- Thời gian học tập: 108 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 3350 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra kết thúc môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 300 giờ;
(Trong đó thi tốt nghiệp 60 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn chung bắt buộc: 450 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2900 giờ
- + Thời gian học bắt buộc: 2100 giờ; Thời gian học tự chọn: 800 giờ
- + Thời gian học lý thuyết: 805 giờ; Thời gian học thực hành: 2095 giờ

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Các môn học chung	450	220	200	30
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	21	7	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	75	58	13	4
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ	120	60	50	10
II	Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc	2100	547	1459	94
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	285	117	152	16
MH 07	Vẽ mỹ thuật	150	30	110	10
MH 08	Vẽ kỹ thuật	45	15	28	2
MH 09	An toàn và bảo hộ lao động	30	26	3	1
MH 10	Tổ chức và quản lý sản xuất	30	26	3	1
MH 11	Vật liệu nghề Chạm khắc đá	30	20	8	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	1815	430	1307	78
MĐ 12	Chuẩn bị dụng cụ và thiết bị	90	20	66	4
MĐ 13	Chuẩn bị nguyên vật liệu	100	25	70	5
MĐ 14	Chạm khắc phù điêu có nền mặt phẳng	215	50	159	6
MĐ 15	Chạm khắc phù điêu có nền mặt cong	210	50	154	6
MĐ 16	Chạm khắc phù điêu thủng	195	45	144	6
MĐ 17	Chạm khắc tượng con giống	260	60	192	8
MĐ 18	Chạm khắc tượng người dân gian	200	40	150	10
MĐ 19	Chạm khắc tượng người hiện đại	150	35	110	5

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 20	Trang sức sản phẩm	75	15	58	2
MĐ 21	Định hướng sản phẩm	45	15	26	4
MĐ 22	Phân loại, đóng gói, nhập kho sản phẩm	75	25	45	5
MĐ 23	Thiết kế mẫu sản phẩm	200	50	133	17
	Tổng cộng	2550	767	1659	124

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO NGHỀ BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo).

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Tùy theo nhu cầu của địa phương hoặc môi trường lao động, căn cứ vào tình hình trang thiết bị cụ thể của từng Cơ sở dạy nghề sẽ xác định được danh mục cụ thể các môn học, mô đun tự chọn. Có thể tham khảo trong số các môn học, mô đun gợi ý sau:

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 24	Chạm khắc tượng Anh hùng tương ngộ	120	40	78	2
MĐ 25	Chạm khắc tượng con trâu	90	30	58	2
MĐ 26	Chạm khắc tranh phù điêu lưỡng long tranh châu	140	45	90	5
MĐ 27	Chạm khắc tượng Vua Lý Thái Tổ	160	50	105	5

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 28	Chạm khắc tượng Vua Đinh Tiên hoàng	150	48	97	5
MĐ 29	Chạm khắc tượng thiếu nữ	140	45	90	5
MĐ 30	Chạm khắc mộ đá	160	50	100	10
MĐ 31	Chạm khắc bàn thờ đá	150	48	95	7
MĐ 32	Chạm khắc phù điêu tứ linh	140	45	90	5
MĐ33	Chạm khắc tượng đài “Cảm tử cho Tổ quốc quyết sinh”.	230	30	190	10
MĐ 34	Chạm khắc cảnh non bộ	75	5	65	5
MĐ 35	Chạm khắc bể cảnh	45	5	35	5

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Chương trình đưa ra 9 mô đun, dựa vào đặc thù của từng vùng miền, các Cơ sở dạy nghề có thể lựa chọn các mô đun trong số các mô đun trên. Nhưng phải đảm bảo sao cho tổng số thời gian của các mô đun đào tạo nghề đã lựa chọn bằng tổng số thời gian của các mô đun đào tạo nghề tự chọn đã ấn định trong chương trình;

- Thời gian đào tạo của các môn học, mô đun tự chọn chiếm từ 20 đến 30% tổng thời gian học tập của các môn học, mô đun đào tạo nghề. Trong đó thực hành chiếm từ 65 đến 85 %; lý thuyết chiếm từ 15 đến 35%;

- Theo chương trình khung đã xây dựng; Thời gian đào tạo các môn học, mô đun tự chọn là: 800 giờ chiếm tỷ lệ: 27,58% tổng thời gian học tập của các môn học, mô đun đào tạo nghề. Trong đó thực hành là: 542 giờ chiếm tỷ lệ: 67,8%; lý thuyết là: 258 giờ chiếm tỷ lệ: 32,2%;

- Môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu đào tạo những kiến thức, kỹ năng cần thiết mang tính đặc thù riêng trong từng môi trường lao động cụ thể hoặc tính đặc thù của vùng, miền của địa phương;

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc nêu trong mục 3, các Cơ sở dạy nghề tự xây dựng hoặc lựa chọn một số môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được đề nghị trong chương trình khung này (mang tính tham khảo) để áp dụng cho Cơ sở của mình;

- Việc xác định các môn học, mô đun tự chọn dựa vào các tiêu chí cơ bản như:
 - + Đảm bảo mục tiêu đào tạo chung của nghề;
 - + Đáp ứng được nhu cầu cần thiết của địa phương hoặc của từng môi trường lao động cụ thể;
 - + Đảm bảo thời gian đào tạo theo quy định;
 - + Đảm bảo tỷ lệ thời gian (lý thuyết, thực hành) theo quy định:
- Thời gian, nội dung của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn do Cơ sở dạy nghề tự xây dựng hoặc có thể tham khảo, điều chỉnh từ các môn học, mô đun đề nghị trong chương trình khung này, trên cơ sở đảm bảo mục tiêu đào tạo và yêu cầu đặc thù của ngành nghề hoặc vùng miền;
- Nếu Cơ sở dạy nghề chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn đề nghị trong chương trình khung này thì tiến hành xây dựng đề cương chi tiết từng bài học cho từng chương cụ thể. Sau đó tiến hành thẩm định và ban hành chương trình chi tiết các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn cho Cơ sở của mình;
- Về thời gian đào tạo các môn học, mô đun tự chọn, các Cơ sở dạy nghề tự bố trí, cân đối vào các học kỳ cho phù hợp tiến độ và tính chất môn học, mô đun (có thể bố trí từ học kỳ III trở đi, tùy tính chất từng môn học, mô đun);
- Về thời lượng chi tiết của từng bài học trong các môn học, mô đun tự chọn, các Cơ sở dạy nghề có thể tự cân đối, thay đổi sao cho phù hợp với nội dung yêu cầu.
- Ví dụ có thể chọn các mô đun sau:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 24	Chạm khắc tượng Anh hùng tương ngộ	120	40	78	2
MĐ 25	Chạm khắc tượng con trâu	90	30	58	2
MĐ 26	Chạm khắc tranh phù điêu lưỡng long tranh châu	140	45	90	5
MĐ 27	Chạm khắc tượng Vua Lý Thái Tổ	160	50	105	5
MĐ 28	Chạm khắc tượng Vua Đinh Tiên Hoàng	150	48	97	5
MĐ 29	Chạm khắc tượng thiếu nữ	140	45	90	5
	Tổng cộng	800	258	518	24

Sau khi lựa chọn các mô đun tự chọn, các Cơ sở dạy nghề cần sắp xếp lại thứ tự các mô đun cho phù hợp.

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quyết định số 14/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Thi môn chính trị: Được tổ chức theo hình thức thi viết với thời gian không quá 120 phút hoặc thi trắc nghiệm với thời gian không quá 60 phút;

- Thi kiến thức, kỹ năng nghề: gồm thi lý thuyết nghề và thi thực hành nghề:

+ Thi lý thuyết nghề được tổ chức theo hình thức thi viết, trắc nghiệm với thời gian thi không quá 180 phút hoặc thi vấn đáp với thời gian cho 1 học sinh là 40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời;

+ Thi thực hành nghề được tổ chức theo hình thức thực hành bài tập kỹ năng tổng hợp để hoàn thiện một sản phẩm. Thời gian thi thực hành cho một sinh viên không quá 24 giờ.

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (Chuẩn bị 40 phút, vấn đáp không quá 20 phút)
2	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề - Thực hành nghề; - Mô đun tốt nghiệp (tích hợp lý thuyết với thực hành)	Viết, trắc nghiệm Vấn đáp Bài thi thực hành kỹ năng tổng hợp Bài thi lý thuyết và thực hành	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (Chuẩn bị 40 phút, vấn đáp không quá 20 phút cho 1 sinh viên) Không quá 24 giờ/sinh viên Không quá 24 giờ/sinh viên

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoài khóa (Được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Nhằm mục đích giáo dục toàn diện, để sinh viên có được nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Cơ sở dạy nghề có thể bố trí tham quan, học tập dã ngoại tại một số doanh nghiệp chế tác đá tại Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng, làng nghề Chạm khắc đá Ninh Vân, Hoa Lư, Ninh Bình, Nhà thờ đá Phát Diệm - Ninh Bình, Chùa Bái Đính - Ninh Bình, tham quan một số các công trình kiến trúc đá đang được xây dựng. Hoặc cũng có thể mời các giảng viên, các nghệ nhân về trường nói chuyện chuyên đề;

- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm thích hợp;

- Nội dung và thời gian tổ chức các hoạt động ngoại khóa có thể tham khảo bảng sau:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần
6	Tổ chức hội thi các sản phẩm nghề Chạm khắc đá	Mỗi học kỳ tổ chức 1 lần

4. Các chú ý khác:

- Có thể lựa chọn các môn học, mô đun trong chương trình khung này để xây dựng chương trình đào tạo Trung cấp nghề tùy theo nhu cầu của người học và phải đảm bảo tính liên thông khi người học có nhu cầu học lên Cao đẳng nghề;

- Khi các trường lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn có thể sắp xếp lại mã môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của trường mình để dễ theo dõi, quản lý./.